

Số: **144** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi Hợp phần 1: Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất mạng lưới y tế cơ sở bao gồm xây mới và nâng cấp cho mạng lưới y tế cơ sở thuộc địa bàn dự án

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” vay vốn WB; số 1700/QĐ-TTg ngày 28/11/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi; số 232/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi; số 1420/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục trang thiết bị thuộc Hợp phần 2 Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi

*Căn cứ Thư không phản đối của Ngân hàng Thế giới ngày 26/12/2022;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 63/TTr-SYT ngày
11/01/2023 và thẩm định của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số
83/SXD-QLHDXD ngày 16/01/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Hợp phần 1 Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi đã được phê duyệt Điều 1 Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

1. Điều chỉnh, bổ sung khoản 11 Điều 1 Quyết định số 439/QĐ-UBND:

- Các Trạm Y tế đưa ra khỏi danh mục đầu tư (07 Trạm Y tế): Trạm Y tế xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi; Trạm Y tế xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng; Trạm Y tế thị Trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ; Trạm Y tế xã Bình Thanh Đông, Huyện Bình Sơn; Trạm Y tế xã An Bình, huyện Lý Sơn; Trạm Y tế xã Trà Nham, huyện Tây Trà cũ (nay là huyện Trà Bồng); Trạm Y tế xã Bình Chương, huyện Bình Sơn.

- Các Trạm Y tế xã điều chỉnh quy mô thiết kế so với Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt (02 Trạm Y tế):

+ TYT xã Ba Giang, huyện Ba Tơ: Nâng cấp quy mô từ sửa chữa thành xây mới;

+ TYT xã Bình Dương, huyện Bình Sơn: Giảm quy mô

- Các Trạm y tế bổ sung mới vào danh mục đầu tư so với Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt (11 Trạm Y tế):

STT	Tên TYT xã	Tên huyện	Xây mới	Sửa chữa lớn
1	Bình Mỹ	Bình Sơn		x
2	Bình Minh	Bình Sơn		x
3	Bình Thuận	Bình Sơn		x
4	Bình Thạnh	Bình Sơn		x
5	Trà Bùi	Trà Bồng	x	
6	Nghĩa Điền	Tur Nghĩa	x	
7	Đức Lân	Mộ Đức		x
8	Nghĩa Hiệp	Tur Nghĩa		x
9	Nghĩa Mỹ	Tur Nghĩa		x
10	Trà Phong	Trà Bồng		x
11	Phổ Châu	Đức Phổ	x	

- Nội dung, quy mô đầu tư các Trạm Y tế xã điều chỉnh quy mô thiết kế và các Trạm y tế bổ sung mới so với Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt

STT	Công trình	Nội dung thiết kế
1	Các công trình điều chỉnh quy mô thiết kế so với dự án được duyệt	
1.1	Trạm Y tế xã Ba Giang, huyện Ba Tư	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới Khối Nhà làm việc cao 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 370m². - Xây dựng mới Nhà xe, diện tích khoảng 36m² - Vườn thuốc nam, diện tích khoảng 138m² - Xây mới Tường rào, cổng ngõ, chiều dài khoảng 156m - Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 413m² - Nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải - Xây dựng mới Nhà bếp, diện tích khoảng 58m²
1.2	Trạm Y tế xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính cao 02 tầng, diện tích khoảng 230m² - Sửa chữa nhà bếp 1 tầng hiện có, diện tích khoảng 32,2m² - Nhà xe, diện tích khoảng 50m² - Sửa chữa, cải tạo tường rào cổng ngõ, chiều dài khoảng 96m - Xây dựng mới không gian đa năng, diện tích khoảng 95m² - Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 287,6m² - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Sửa chữa, cải tạo vườn thuốc nam - Làm mới Nhà vệ sinh cao 01 tầng, diện tích khoảng 21m²
2	Các công trình bổ sung (sửa chữa, cải tạo, xây mới)	
2.1	Trạm Y tế xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính 2 tầng, tổng diện tích sàn 306m² - Làm mới nhà bếp ăn 01 tầng, diện tích khoảng 44m² - Xây dựng mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 50m² - Sửa chữa, cải tạo tường rào, cổng ngõ khoảng 40m; Xây mới tường rào khoảng 138m - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 430m² - Xây dựng mới không gian đa năng, diện tích khoảng 100m² - Bể xử lý nước thải - Xây mới Nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Xây mới nhà xe, diện tích khoảng 50m² - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà

2.2	Trạm Y tế xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo Khối nhà chính 2 tầng, tổng diện tích sàn khoảng 297m² - Xây mới nhà xe, diện tích khoảng 36m² - Xây mới Nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Xây mới tường rào, chiều dài khoảng 150,58m - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 454m² - Xây mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 125m² - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Xây dựng mới không gian đa năng, diện tích khoảng 102m² - Bể xử lý nước thải - Xây mới ăn, bếp diện tích khoảng 19m² - Xây mới nhà vệ sinh, diện tích khoảng 34m²
2.3	Trạm Y tế xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa Nhà làm việc 2 tầng hiện trạng, diện tích khoảng 285m². - Sửa chữa Nhà Bếp hiện trạng 1 tầng, diện tích khoảng 20,52m² - Làm mới 01 nhà nhà xe, diện tích khoảng 23,1 m² - Làm mới không gian đa năng, diện tích khoảng 81.3m² - Làm mới 01 nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 7,04 m² - Làm mới 01 nhà vệ sinh, diện tích khoảng 27 m² - Cải tạo, xây mới tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài khoảng 131,35m (trong đó: tường rào cải tạo + cổng L=25,7m, tường rào xây mới L=105,65m). - Làm mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 40m² - Cải tạo sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 348,88m² - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải
2.4	Trạm Y tế xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa Nhà làm việc hiện trạng 2 tầng, diện tích khoảng 475,04m² - Không gian đa năng: Cải tạo khối nhà hiện trạng 1 tầng, diện tích khoảng 130m² - Xây mới nhà xe, diện tích khoảng 36m² - Xây mới Nhà bếp, diện tích khoảng 33m² - Xây mới Nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Cải tạo, xây mới Tường rào, tổng chiều dài khoảng 190m - Cải tạo Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 704m² - Cải tạo vườn thuốc nam, diện tích khoảng 124m²

		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải
2.5	Trạm Y tế xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới Khối nhà làm việc, Công trình cao 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 380,9m². - Xây dựng mới Nhà xe, cao 1 tầng, diện tích khoảng 42,4m² - Xây dựng mới nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Cải tạo tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài khoảng 192m. - Cải tạo sân vườn, đường đi nội bộ, diện tích khoảng 182m² - Xây dựng mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 69m² - Hệ thống điện, Cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải - Xây dựng kè chắn đất, chiều dài khoảng 91m - San nền cục bộ
2.6	Trạm Y tế xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới Khối nhà làm việc kết hợp khu đa năng, Công trình cao 02 tầng; diện tích xây dựng khoảng 300m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 545m². - Xây dựng mới Nhà xe, diện tích khoảng 44m² - Vườn thuốc nam, diện tích khoảng 55m² - Xây mới Tường rào, cổng ngõ, chiều dài khoảng 142m - Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 340m² - Cải tạo nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 27m² - Cải tạo nhà kho, bếp + ăn và vệ sinh, diện tích khoảng 78m² - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải - San nền + Kè chắn: toàn bộ khu đất
2.7	Trạm Y tế xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, tổng diện tích xây dựng khoảng 384m². - Làm mới 01 nhà bếp, diện tích khoảng 40 m² - Làm mới nhà vệ sinh, diện tích khoảng 51,34 m² - Làm mới 01 nhà nhà xe, diện tích khoảng 40 m² - Làm mới 01 nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Làm mới không gian đa năng, diện tích khoảng 80m² - Làm mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 40m² - Cải tạo, xây mới tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài khoảng 155,61m (trong đó: tường rào xây mới L=72,91m, tường rào cải tạo L=82.7). - Cải tạo sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 522m²

		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải
2.8	Trạm Y tế xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 02 tầng, có tổng diện tích xây dựng khoảng 137,4m², diện tích sàn là 274,8 m². - Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 01 tầng, diện tích khoảng 84,39 m² - Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh 01 tầng, diện tích khoảng 28,8 m² - Làm mới không gian đa năng, diện tích khoảng 90 m² - Sửa chữa nhà xe, diện tích khoảng 31,92 m² - Sửa chữa nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5.0 m² - Cải tạo, sửa chữa vườn thuốc nam, diện tích khoảng 48m² - Cải tạo sửa chữa tường rào cổng ngõ, tổng chiều dài khoảng 122,5m - Cải tạo sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 237,94m² - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải
2.9	Trạm Y tế xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, sửa chữa khối nhà chính, tổng diện tích xây dựng khoảng 310m². - Sửa chữa, cải tạo khối nhà bếp, diện tích xây dựng khoảng 30m² - Xây dựng mới không gian đa năng, diện tích khoảng 100m² - Sửa chữa, cải tạo nhà xe, diện tích khoảng 28m². - Sửa chữa, cải tạo nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 7,64m². - Cải tạo tường rào cổng ngõ, chiều dài khoảng 127m - Sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 279,93m² - Làm mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 50m² - Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải
2.10	Trạm Y tế xã Trà Phong, huyện Trà Bồng	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo Khối nhà làm việc với diện tích xây dựng khoảng 142m²; tổng diện tích sàn 272m² - Cải tạo nhà ở thành nhà điều trị và không gian đa năng, diện tích xây dựng khoảng 101m², tổng diện tích sàn khoảng 202m². - Xây dựng mới nhà xe, cao 1 tầng, diện tích khoảng 25m² - Xây dựng mới nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m² - Cải tạo tường rào cổng ngõ, chiều dài khoảng 90,5m

		<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo sân vườn, đường đi nội bộ, diện tích khoảng 212m² - Xây dựng mới vườn thuốc nam, diện tích khoảng 42m² - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà - Bể xử lý nước thải
2.11	Trạm Y tế xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ (Xây mới)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới Khối nhà làm việc kết hợp khu đa năng, Công trình cao 02 tầng; diện tích xây dựng khoảng 300m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 545m². - Nhà để xe, diện tích khoảng 44m². - Vườn thuốc nam xây mới, diện tích khoảng 41,6m². - Cải tạo và xây mới tường rào, cổng ngõ, tổng chiều dài khoảng 170m. - Cải tạo sân vườn, đường nội bộ, diện tích khoảng 346m². - Hệ thống điện, cấp thoát nước ngoài nhà. - Bể xử lý nước thải. - Nhà chứa rác thải, diện tích khoảng 5m². - Hệ thống cấp điện, cấp nước ngoài nhà.

2. Điều chỉnh khoản 17 Điều 1 Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019:

Tổng mức đầu tư: **220.900 triệu đồng** (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn).

Quy đổi ra-USD: 9,71 triệu USD (Bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm mười ngàn USD).

Trong đó:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị được duyệt tại Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	Giá trị điều chỉnh tại Quyết định này	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng trước thuế	140.017	140.017	0
2	Chi phí thiết bị	36.277	36.277	0
3	Thuế giá trị gia tăng	15.816	14.936	-880
4	Chi phí QLDA	3.219	3.219	0
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	8.966	8.814	-151
6	Chi phí khác	4.178	4.782	+604
7	Chi phí dự phòng	12.427	12.856	+428
	Tổng cộng:	220.900	220.900	0

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng dự án; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư dự án được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, sử dụng nhằm phát huy hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 83/SXD-QLHĐXD ngày 16/01/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019, Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{cường45}.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh